**MA TRẬN GIỮA KÌ II TOÁN 6**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Tổng** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** | **Tỉ lệ** | **Tổng điểm** |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| **1** | ***Phân số******(14 tiết)*** | ***Phân số. Tính chất cơ bản của phân số. So sánh phân số*** | 3(TN1,TN2, TN3)(0,75đ) |  |  |  |  |  |  |  | **7,5%** |  | **0,75** |
| - ***Các phép tính với phân số*** |  |  | 4(TN4,TN5TN6, TN7)(1,0 đ) | 2(TL1a ,1b)(1đ) |  | 1(TL 2(0,75đ) |  | 1(TL6)(1,0 đ) | **10%** | **27,5%** | **3,75** |
| **2** | **Số thập phân****(10 tiết)** | ***Số thập phân và các phép tính với số thập phân. Tỉ số và tỉ số phần trăm*** | 3(TN8,TN9,TN10)(0,75đ) |  | 4(TN 11, TN 12,TN 13, TN 14)(1,0 đ) |  |  | 1TL 3(1,25 d) |  |  | **17,5%** | **12,5%** | **3,0** |
| **3** | **Hình học phẳng****(8 tiết)** | ***Điểm, đường thẳng, tia*** |  | 1(TL4) |  |  |  |  |  |  |  | **10%** | **1,0** |
| ***Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng*** | 2(TN 15, TN 16)(0,5 đ) | 1(TL5) |  |  |  |  |  |  | **5%** | **10%** | **1,5** |
| **Số câu** | 8 | 2 | 8 | 2 |  | 2 |  | 1 |  |  | **23** |
| **Số điểm** | **2,0** | **2,0** | **2,0** | **1,0** |  | **2,0** |  | **1.0** |  |  | **10** |
| **Tỉ lệ** | **20%** | **20%** | **20%** | **10%** |  | **20%** |  | **10%** |  |  | **100%** |

**BẢNG ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HK II, MÔN TOÁN –LỚP 6**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề** | **Mức độ đánh giá**  | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **SỐ VÀ ĐẠI SỐ** |  |  |  |  |
| **1** | **Phân số** | ***Phân số. Tính chất cơ bản của phân số. So sánh phân số*** | ***Nhận biết:*** – Nhận biết được phân số với tử số hoặc mẫu số là số nguyên âm.– Nhận biết được khái niệm hai phân số bằng nhau và nhận biết được quy tắc bằng nhau của hai phân số.– Nêu được hai tính chất cơ bản của phân số.– Nhận biết được số đối của một phân số.– Nhận biết được hỗn số dương.***Thông hiểu:***– So sánh được hai phân số cho trước. | 3(TN1, TN2, TN3) |  |  |  |
| ***Các phép tính với phân số*** | ***Thông hiểu:***– So sánh được hai phân số cho trước.– Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với phân số.***Vận dụng:***– Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với phân số trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí). – Tính được giá trị phân số của một số cho trước và tính được một số biết giá trị phân số của số đó.– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** gắn với các phép tính về phân số (ví dụ: các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí,...).***Vận dụng cao:***  Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(phức hợp, không quen thuộc)*** gắn với các phép tính về phân số. |  | 4(TN4,TN5,TN6,TN7)2(TL1a, TL1b) | 1(TL2) | 1(TL6) |
| **2** | **Số thập phân** | ***Số thập phân và các phép tính với số thập phân. Tỉ số và tỉ số phần trăm*** | ***Nhận biết:*** – Nhận biết được số thập phân âm, số đối của một số thập phân.***Thông hiểu:***– So sánh được hai số thập phân cho trước.– Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với số thập phân.***Vận dụng:*** – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với số thập phân trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí). – Thực hiện được ước lượng và làm tròn số thập phân.– Tính được tỉ số và tỉ số phần trăm của hai đại lượng.– Tính được giá trị phần trăm của một số cho trước, tính được một số biết giá trị phần trăm của số đó.– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** gắn với các phép tính về số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm (ví dụ: các bài toán liên quan đến lãi suất tín dụng, liên quan đến thành phần các chất trong Hoá học,...).***Vận dụng cao:***– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(phức hợp, không quen thuộc)*** gắn với các phép tính về số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm. | 3(TN8,TN9,TN10) | 4(TN 11, TN 12, TN13,TN14))  | 1( TL3) |  |
| **HÌNH HỌC TRỰC QUAN** |  |  |  |  |
| **3** | **Những hình học cơ bản** | ***Điểm, đường thẳng, tia*** | ***Nhận biết:*** – Nhận biết được những quan hệ cơ bản giữa điểm, đường thẳng: điểm thuộc đường thẳng, điểm không thuộc đường thẳng; tiên đề về đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt.– Nhận biết được khái niệm hai đường thẳng cắt nhau, song song.– Nhận biết được khái niệm ba điểm thẳng hàng, ba điểm không thẳng hàng.– Nhận biết được khái niệm điểm nằm giữa hai điểm.– Nhận biết được khái niệm tia. | 1(TL4) |  |  |  |
| ***Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng*** | ***Nhận biết:*** –Nhận biết được khái niệm đoạn thẳng, trung điểm của đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng. | 2(TN15, TN16)1(TL5) |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD- ĐT THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH**TRƯỜNG THCS HOÀNG VĂN THỤ** | **ĐỀ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG GIỮA HỌC KÌ II****MÔN TOÁN 6****NĂM HỌC: 2022-2023***(Thời gian làm bài: 90 phút)* |

**Phần I. Trắc nghiệm** (*4,0 điểm*)

Hãy viết chữ cái in hoa đứng trước câu trả lời đúng vào bài làm.

**Câu 1.** Trong các số sau đây, số nào được viết dưới dạng phân số?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. . | B. . | C. . | D. . |

**Câu 2.** Phân số nào sau đây bằng phân số ?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. . | B. . | C. . | D. . |

**Câu 3.** Trong các phân số , phân số **lớn nhất** là

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. . | B. . | C. . | D. . |

**Câu 4.** Kết quả của phép tính  là

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. . | B. . | C. . | D. . |

**Câu 5.** Số x thỏa mãn  là

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. . | B. . | C. . | D. . |

**Câu 6.** Kết quả của phép tính  là

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. . | B. . | C. . | D. . |

**Câu 7.** Kết quả của phép tính  là

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. . | B. . | C. . | D. . |

**Câu 8.** Viết phân số  dưới dạng số thập phân ta được

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 0,131. | B. 0,0131. | C. 1,31 . | D. 0,1331. |

**Câu 9.** Số thập phân nào trong các số thập phân sau là số thập phân dương

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. . | B. . | C. . | D. . |

**Câu 10.** Số đối của số thập phân **-12,34** là

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A.  | B.  | C.  | D.  |

**Câu 11.** Sắp xếp các số thập phân sau **-5,9; 0,8; -7,3; 1,2; 3,41** theo thứ tự tăng dần, ta được

|  |  |
| --- | --- |
| A. -5,9; -7,3; 0,8; 1,2; 3,41. | B. 3,41; 1,2; 0,8; -5,9; -7,3. |
| C. -7,3; -5,9; 1,2; 3,41; 0,8. | D. -7,3; -5,9; 0,8; 1,2; 3,41. |

**Câu 12.** Kết quả của phép tính  là

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. - 106,582. | B. - 40,002. | C. 40,002. | D. 106,582. |

**Câu 13.** Tỉ số phần trăm của hai số 4 và 5 là

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 80%. | B. 125%. | C. 4,5% .  | D. 0,2%. |

**Câu 14.** Làm tròn số 76,421 đến hàng phần mười ( tức là chữ số đầu tiên sau dấu “,”)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 76. | B. 76,5.  | C. 76,4.  | D. 76,6. |

**Câu 15.** Cho 4 điểm A, B, C, D trong đó không có ba điểm nào thẳng hàng. Số đoạn thẳng được tạo thành từ hai trong bốn điểm trên là

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 3. | B. 4. | C. 5. | D. 6. |

**Câu 16.** Điểm **M** là trung điểm của đoạn thẳng **AB** khi

|  |  |
| --- | --- |
| A. **M** nằm giữa **A**, **B** và **MA** = **MB**.  | B. **MA** = **MB.** |
| C. **M** nằm giữa **A** và **B**. | D. **MA** = **AB.** |

**Phần II. Tự luận *(6,0 điểm).***

**Câu 1** *( 1 điểm)*. Thực hiện phép tính

a)  b) 

**Câu 2** *(1 điểm).*Tìm *x* biết

 

**Câu 3***(1,25 điểm).* Khối 6 của một trường có tổng cộng 420 học sinh. Trong dịp sơ kết học kỳ I thống kê được: Số học sinh xếp loại tốt bằng  số học sinh cả khối, số học sinh xếp loại khá bằng  số học sinh còn lại. Có 5 học sinh xếp loại không đạt. Còn lại là học sinh xếp loại đạt.

1. Tính số học sinh mỗi loại?
2. Tính tỉ số phần trăm số học sinh xếp loại khá so với số học sinh cả khối.

**Câu 4***(2 điểm).* Vẽ đường thẳng *xy*. Lấy điểm *O* nằm trên đường thẳng *xy*, lấy điểm *M* thuộc tia *Oy*, lấy điểm *N* thuộc tia *Ox* sao cho OM = 2cm; ON = 3,5cm

a) Viết tên hai tia đối nhau chung gốc *O*.

b) Hai tia *Mx*, *Nx* có đối nhau không? Vì sao?

c) Tính độ dài đoạn thẳng NM?

**Câu 5:** *(0,75 điểm).* Tính giá trị của biểu thức

 

**---HẾT---**

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG GIỮA HỌC KÌ II**

**NĂM HỌC 2022 – 2023**

**Môn: Toán – Lớp 6**

**Phần I. Trắc nghiệm** (4,0 điểm): Mỗi câu đúng được 0,25 đ

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 |
| **Đáp án** | A | C | B | C | D | A | D | A | B | C | D | B |  A |  C |  D |  A |

 **Phần II. Tự luận (6,0 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **1** | a) | 0,25 |
|  | 0,25 |
| **.** | b)=  |  |
|  | 0,25 |
|  | 0,25 |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **2** | a) | 0,25 |
|  | 0,25 |
|  | b) | 0,25 |
|  | 0,25 |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **3** | + Số học sinh xếp loại tốt của khối là: (học sinh) | 0,25 |
| + Số học sinh khá của khối 6 là: (học sinh) | 0,5 |
| + Số học sinh đạt của khối 6 là: (học sinh) | 0,25 |
| Vậy khối 6 của trường đó có: 252 học sinh tốt, 168 học sinh khá, 51 học sinh đạt và 5 học sinh chưa đạt | 0,25 |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **4** | Vẽ đúng hình | 0,5 |
| 1) Hai tia *ON*và *OM* là đối nhau. Hoặc hai tia *Ox*và *Oy* là đối nhau. | 0,5 |
| 2) Hai tia *Mx*, *Nx* không đối nhau. Vì hai tia này không chung gốc. | 0,5 |
| 3) Vì diểm *O* nằm giữa hai điểm *M* và *N* nên NO +OM = NMThay số tính được NM = 5,5 cm. | 0,5 |
|  **5** |  | 0,250,250,25 |